| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **73**/2020/HC-PT
Ngày: 28/5/2020
*V/v: "Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Tào**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Xuân Điền**

Ông **Lê Tự**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hoàng Hải An** - Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** Ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 112/2020/TLPT-HC ngày 16 tháng 01 năm 2020, về việc *"Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2019/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 831/2020/HC-ST ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện***: Bà Lê Thị T, sinh năm 1966 và ông Nguyễn T1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn A, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện*: Luật sư Thiều Quang V - Văn phòng luật sư Quang V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; Có mặt.

**** Người bị kiện***: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện*: Ông Trần Phước H - Phó Chủ tịch UBND thành phố Q, theo Quyết định số 4559/QĐ-UBND ngày 23-7-2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Anh K – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Ủy ban nhân dân xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Trần Đình T3 - Chủ tịch UBND xã T2. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985. Vắng.

+ Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1987. Vắng.

+ Anh Nguyễn H3, sinh năm 1989. Vắng.

+ Chị Nguyễn Thị Thành Th, sinh năm 1993. Vắng.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị H1, chị H2, anh H3 và chị Thn:* Bà Lê Thị T (theo Giấy ủy quyền ngày 20-9-2019). Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**** Người kháng cáo:*** Người khởi kiện - Ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Lê Thị T đại diện người khởi kiện trình bày:*

Hai thửa đất số 83 và 87, tờ bản đồ số 1 xã T2 diện tích trên khoảng 442m$^2$ về nguồn gốc là của ông bà, cha mẹ tôi để lại. Hiện nay tên kê khai, đăng ký, quản lý, sử dụng là hộ ông Nguyễn T1, đất này dùng để sản xuất hoa màu. Gia đình tôi có đến UBND xã T2 xin đăng ký làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND xã không làm thủ tục và không nói rõ lý do.

Ngày 05-3-2019 gia đình tôi nhận được Quyết định số 662/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn T1. Theo tôi được biết, khi ban hành Quyết định thu hồi đất phải vận động, tuyên truyền và ra quyết định thu hồi từng thửa đất. Nhưng đến nay, gia đình chúng tôi vẫn chưa nhận được quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hai thửa 83, 87 nêu trên. Vậy mà UBND thành phố Q lại ban hành Quyết định cưỡng chế số 662/QĐ-UBND. Trong khi vợ chồng tôi khởi kiện Quyết định số 662/QĐ-UBND thì UBND xã T2 đã ủi sạch và phá hủy tất cả cây cối, hoa màu. Nay chúng tôi yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 05-3-2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn T1, công dân thường trú xã T2, thành phố Q để

thực hiện dự án: Xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2, thành phố Q (giai đoạn 1).

*Ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố Q:*

Dự án xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 được UBND thành phố Q phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 4061/QĐ-UBND ngày 23-10-2015 và phê duyệt báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình tại Quyết định số 4329/QĐ-UBND ngày 30-10-2015. Ngày 23-3-2016 UBND thành phố Q ban hành Thông báo số 73/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 giai đoạn 1. Dự án này do UBND xã T2 làm chủ đầu tư và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh là đơn vị thực hiện nhiệm vụ lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng.

Hộ ông Nguyễn T1 sử dụng hai thửa đất thuộc dự án xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 cụ thể:

Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 1, diện tích 248,2m$^2$, diện tích trong quy hoạch 248,2m$^2$, loại đất BHK do công ty TNHH TT đo vẽ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm định ngày 15-12-2016. Ngày 30-12-2016 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 12543/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn T1 đang quản lý, sử dụng thuộc xã T2 để xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 giai đoạn 1. Cùng ngày UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 12524/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 giai đoạn 1 và Quyết định số 12559/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T1 để xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 giai đoạn 1.

Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 1, diện tích 49,1m$^2$, diện tích trong quy hoạch 19,5m$^2$, loại đất BHK do công ty TNHH TT đo vẽ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm định ngày 22-12-2017.

Ngày 30-12-2017, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11353/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn T1 đang quản lý, sử dụng thuộc xã T2 để xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 giai đoạn 1. Cùng ngày, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11350/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 giai đoạn 1 và ngày 08-02-2018 UBND thành phố ban hành Quyết định số 376/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T1 để xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2.

Theo xác nhận của UBND xã T2 ngày 01-9-2016 và ngày 27-10-2017 thì hai thửa đất này do ông bà lưu hạ lại cho ông Nguyễn T1 sử dụng sản xuất nông nghiệp từ năm 1975; ông Nguyễn T1 sử dụng từ trước đến nay không ai tranh chấp và không thuộc quỹ đất công ích do UBND xã quản lý. Sau khi các phương án được UBND thành phố phê duyệt, đơn vị lập phương án đã tổ chức công khai và chi trả tiền bồi thường theo quy định nhưng ông Nguyễn T1 không thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Ngày 03-8-2018, UBND xã, UBMTTQ Việt Nam xã, các hội đoàn thể xã T2 và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi tổ chức vận động, giải thích cho hộ ông T1 được rõ về cơ chế, chính sách pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, đồng thời yêu cầu hộ ông T1 nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao đất đã thu hồi. Nhưng hộ ông T1 không chấp hành. Trên cơ sở đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quyết định cưỡng chế và qua rà soát các quy định của pháp luật, Chủ tịch UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 05-3-2019 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn T1.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 29 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05-3-2015 và khoản 1 Điều 29 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBD ngày 18-8- 2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thì trường hợp hộ ông T1 đang sử dụng đất nông nghiệp. Nên yêu cầu của ông về việc cấp đổi cho gia đình ông một lô đất để xây dựng nhà thờ là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013, căn cứ báo cáo của UBND xã T2 thì hiện nay xã T2 không có quỹ đất nông nghiệp để phục vụ cho việc bồi thường bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng đất nông nghiệp cho hộ dân có đất bị thu hồi. Nên không thể bồi thường bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi mà chỉ thực hiện việc bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật đất đai 2013; khoản 6 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai thì UBND thành phố Q đã thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T1 đảm bảo đúng quy định. Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 05-3-2019 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn T1 là đúng pháp luật.

*Ý kiến của Chủ tịch UBND xã T2:*

Tổng số hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi Dự án xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 giai đoạn 1 là 16 hộ, cá nhân, đến nay đã được UBND thành phố phê duyệt 2 đợt phương án. Đợt 1 tại Quyết định số 12524/QĐ-UBND ngày 30-12-2016, đợt 2 tại Quyết định số 11350/QĐ-UBND ngày 30-12-2017 tương ứng với số tiền 777.845.764đ. Thực hiện các quyết định trên, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh đã phối hợp cùng UBND xã T2 và đơn vị có liên quan đã tiến hành chi trả tiền cho các hộ gia đình, cá nhân. Đến nay các hộ dân đã nhận tiền bồi thường, tương ứng với số tiền 711.045.444đ. Riêng hộ gia đình ông Nguyễn T1 không đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thi công công trình, phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất. UBND xã T2 đã tiến hành giao các quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố Q cho hộ ông Nguyễn T1 và niêm yết theo quy định. Đồng thời tiến hành mời hộ gia đình ông T1 nhận tiền bồi thường, hỗ trợ 03 lần. Tuy nhiên, hộ ông không thống nhất nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng với lý do đòi đất để làm nhà ở. UBND xã, UBMTTQ Việt Nam xã, các hội đoàn thể xã phối hợp cùng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi tổ chức mời hộ gia đình ông Nguyễn T1 đến tại UBND xã để vận động, thuyết phục hộ ông T1 nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng để thi công công trình. Tuy nhiên, hộ ông T1 vẫn không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng.

Ngày 27-8-2018, hộ ông Nguyễn T1 đã có đơn yêu cầu gửi UBND xã Tịnh Kỳ và được UBND xã T2 trả lời tại Văn bản số 205/UBND ngày 08-10-2018. Ngày 03-10-2018 UBND xã T2 có Báo cáo số 139/BC-UBND về việc giải quyết đơn yêu cầu của bà Lê Thị T. Ngày 05-3-2019, Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 662/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn T1. Ngày 11-3-2019, UBND xã T2 niêm yết và giao Quyết định số 662/QĐ-UBND cho hộ ông T1. Đồng thời Đảng ủy, UBND xã, UBMTTQ Việt Nam xã, các hội đoàn thể xã mời gia đình ông Nguyễn T1 đến để vận động, thuyết phục, giải thích cơ chế, chính sách của nhà nước. Nhưng hộ ông T1 không thống nhất nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao mặt bằng để thi công công trình. Ngày 19-6-2019 UBND thành phố đã tổ chức cưỡng chế thu hồi đất theo quy định.

***Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2019/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 05-3-2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn T1, công dân thường trú xã T2, thành phố Q để thực hiện dự án: Xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2, thành phố Q (giai đoạn 1).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2019, ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy Quyết định cưỡng chế số 662/QĐ-UBND ngày 05/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q; Yêu cầu UBND thành phố Q, UBND xã T2 giao trả lại 442m$^2$ cho vợ chồng ông T1, bà T tại hai thửa đất số 83 và 87, tờ bản đồ số 01 xã T2.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Xét thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T, nhận thấy:

[1.1] Để thực hiện Dự án xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 được UBND thành phố Q phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 4061/QĐ-

UBND ngày 23-10-2015. Ngày 23-3-2016 UBND thành phố Q ban hành Thông báo số 73/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 giai đoạn 1; Hộ ông Nguyễn T1 sử dụng hai thửa đất thuộc dự án xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 cụ thể:

- Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 1, diện tích 248,2m$^2$, diện tích trong quy hoạch 248,2m$^2$, loại đất BHK do công ty TNHH TT đo vẽ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm định ngày 15-12-2016. Ngày 30-12-2016 UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 12543/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn T1 đang quản lý, sử dụng thuộc xã T2 để xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 giai đoạn 1. Cùng ngày UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 12524/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 giai đoạn 1 và Quyết định số 12559/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn T1 để xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 giai đoạn 1.

Ngày 09/01/2017, UBND xã T2 lập biên bản giao nhận Quyết định số 12543/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn T1, nhưng ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T không nhận. Do đó cùng ngày, UBND xã T2 tiến hành niêm yết quyết định trên.

- Thửa đất số 87, tờ bản đồ số 1, diện tích 49,1m$^2$, diện tích trong quy hoạch 19,5m$^2$, loại đất BHK do công ty TNHH TT đo vẽ, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm định ngày 22-12-2017.

Ngày 30-12-2017, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11353/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn T1. Cùng ngày, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 11350/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2 giai đoạn 1 cho hộ ông Nguyễn T1.

Ngày 09/01/2018, UBND xã T2 lập biên bản giao nhận Quyết định số 11353/QĐ-UBND của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn T1, nhưng ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T không nhận.

[1.2] Trên cơ sở khiếu nại của ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T về việc yêu cầu được đổi đất để sản xuất chứ không nhận tiền đền bù; ngày 07/9/2017 và ngày 03/8/2018, UBND xã T2 tiến hành làm việc, đối thoại nội dung trên và yêu cầu ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T nhận tiền đền bù vì địa phương không còn quỹ đất để đổi.

Như vậy việc  ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T cho rằng chưa nhận được quyết định thu hồi đất của UBND thành phố Q là không có căn cứ.

[1.3] UBND xã, UBMTTQ Việt Nam xã, các hội đoàn thể xã T2 và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi đã nhiều lần tổ chức vận động, giải thích cho hộ ông T1 được rõ về cơ chế, chính sách pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, đồng thời yêu cầu hộ ông T1 nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bàn giao đất đã thu hồi. Nhưng hộ ông T1 không chấp hành.

Trên cơ sở đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quyết định cưỡng chế; Chủ tịch UBND thành phố Q đã ban hành Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 05-3-2019 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn T1 là đúng quy định tại Điều 71 Luật đất đai 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Như vậy, theo nhận định tại mục [1.1], [1.2] và [1.3] nêu trên, Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T là có cơ sở. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, bà T; giữ nguyên bản án số 31/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Tại Đơn kháng cáo ngày 09/12/2019 và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị T và ông Nguyễn T1 cho rằng diện tích đất theo quyết định thu hồi là 267,7m$^2$, nhưng khi tiến hành cưỡng chế, UBND thành phố Q và UBND xã T2 đã tiến hành cưỡng chế san ủi toàn bộ diện tích đất của gia đình ông, bà là 442m$^2$ là không đúng.

Xét thấy nội dung này là quan hệ pháp luật về hành vi hành chính; trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà T, ông T1 chưa khởi kiện hành vi này và Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét giải quyết, nên không thuộc phạm vi xem xét giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm. Do đó trường hợp có căn cứ và có yêu cầu, bà T, ông T1 có thể khởi kiện vụ án hành chính khác theo quy định của luật tố tụng hành chính.

[3] Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông T1, bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 30; Điều 115 và Điều 116 Luật tố tụng hành chính; Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T về hủy Quyết định số 662/QĐ-UBND ngày 05-3-2019 của Chủ tịch UBND thành phố Q về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn T1, công dân thường trú xã T2, thành phố Q để thực hiện dự án: Xây dựng mới nhà làm việc UBND xã T2, thành phố Q (giai đoạn 1).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn T1 và bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004112 ngày 07/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyết định của Bản án sơ thẩm số 31/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tào**